TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ - ST
Ngày 02 - 12 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngà

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Minh Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Minh T (Phạm Thị T), sinh năm 1982; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi làm việc hiện nay: Viện dưỡng lão T, huyện H, khu vực Đ, Đài Loan.

2. Bị đơn: Anh Đào Ngọc Q, sinh năm 1979; (có mặt).

Địa chỉ: Thôn X1, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2019 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Ngọc Q đăng ký kết hôn ngày 29/01/2001 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở tự

nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn, chị về ở chung với gia đình anh Q tại thôn X, xã V, tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường, đến năm 2011 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, đồng thời chơi bời, không quan tâm đến gia đình, nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh Q không thay đổi. Mặt khác, do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng đi làm ăn xa, anh Q không gửi tiền về nuôi con. Năm 2013 chị đi lao động ở Đài Loan đến năm 2016 về nước, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không có tình cảm nên hay cãi nhau. Anh Q đe doạ giết chị, năm 2016 chị lại đi lao động ở Đài Loan và có về thăm con 04 lần còn anh Q đi làm ở đâu chị không biết, có khi hàng năm anh mới về nhà. Khi chị làm đơn xin ly hôn anh Q, chị có nói cho anh biết, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 03 con chung là Đào Minh N, sinh ngày 29/10/2002; Đào Minh T, sinh ngày 24/4/2006; Đào Phương H, sinh ngày 26/5/2011. Hiện nay cháu N, cháu T đang ở cùng với mẹ chị là bà Trần Thị C; cháu H đang ở cùng với mẹ anh Q là bà Nguyễn Thị D. Ly hôn chị xin được nuôi cả 03 cháu, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Ngọc Q trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị Minh T về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống. Tuy nhiên, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do năm 2011 anh làm nghề xây dựng ở tỉnh Hà Giang, sau đó bị thua lỗ nên kinh tế gặp nhiều khó khăn. Năm 2013 vợ chồng thống nhất để chị T đi lao động ở Đài Loan. Năm 2017 anh phát hiện chị T có quan hệ bất chính với ông chủ ở viện dưỡng lão nơi chị T làm việc, nên tháng 11/2017 khi chị T về nước anh và gia đình động viên khuyên chị ở lại nhưng chị T không nghe, vẫn tiếp tục sang Đài Loan lao động. Anh và chị T đã sống ly thân từ đầu năm 2018, tại bản tự khai ngày 17/7/2019 anh đồng ý ly hôn, tuy nhiên sau đó anh suy nghĩ lại và muốn giữ tổ ấm gia đình cho các con vì các con còn nhỏ nên anh không nhất trí ly hôn, trường hợp anh và chị T không về đoàn tụ chung sống với nhau thì anh chấp nhận ly thân như hiện nay, sau này các con chung lớn thì giải quyết việc ly hôn sau.

Tại đơn đề nghị ngày 02/12/2012 và tại phiên tòa, anh Q nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không hàn gắn được, vì vậy, chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung như chị T trình bày. Quá trình giải quyết vụ án anh xin được nuôi cháu N và cháu H, để chị T nuôi cháu T, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại đơn đề nghị ngày 02/12/2012 và tại phiên tòa, anh Q xác định do chị T đang đi lao động ở Đài Loan, các cháu đang ở với nhiều người, nhiều nơi nên anh xin được nuôi cả 03 cháu. Hiện nay anh đang làm việc tại Công ty Cổ phần

Đ, Công ty Cổ phần tư vấn và Đ1 có mức thu nhập khoảng 60 triệu đồng, có đủ điều kiện để nuôi 03 cháu, do đó anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản, công nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục từ khi thụ lý đến tại phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Đào Ngọc Q. Về con giao cho anh Đào Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Đào Minh N, cháu Đào Minh T và cháu Đào Phương H. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Phạm Thị Minh T lao động tại Đài Loan theo Hợp đồng lao động dành cho lao động Việt Nam làm việc trong các đơn vị sản xuất công trường xây dựng, các đơn vị dịch vụ xã hội được ký kết ngày 01/11/2016, theo đó thời hạn hợp đồng là 02 năm 08 tháng 18 ngày kể từ chị T nhập cảnh Đài Loan. Đến ngày 10/7/2019, chị T tiếp tục ký Hợp đồng lao động và làm việc tại Đài Loan với thời hạn 03 năm.

Ngày 24/6/2019, chị T về Việt Nam và có đơn xin ly hôn anh Đào Ngọc Q nộp đến Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 27/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường tiến hành thụ lý vụ án. Tuy nhiên, tại thời điểm chị T nộp đơn xin ly hôn anh Q thì chị T đang làm việc tại Đài Loan (làm việc theo hợp đồng lao động ký kết ngày 01/11/2016), cho nên đây là trường hợp đương sự ở nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 20/9/2019, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường ban hành quyết định chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 26/9/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý vụ án vụ án theo quyết định chuyển vụ án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Minh T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Chị T và anh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2001 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q làm ăn kinh tế bị thua lỗ, dẫn đến gia đình gặp gó khăn, vợ chồng bất đồng về quan điểm. Năm 2013, chị T đi lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình, anh Q cũng đi làm ăn xa, từ đó vợ chồng ít gặp nhau, tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt. Mặt khác, do anh Q và chị T đều nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính với người khác ngoài cuộc sống vợ chồng nên mâu thuẫn xảy ra trầm trọng vào năm 2017, đầu năm 2018 anh chị đã sống lý thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị T cương quyết xin ly hôn, anh Q xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa anh Q khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, đã sống ly thân từ đầu năm 2018, nên chị T xin ly hôn anh Q đồng ý. Như vậy, hôn nhân của chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh Q.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Q có 03 con chung là Đào Minh N, sinh ngày 29/10/2002; Đào Minh T, sinh ngày 24/4/2006; Đào Phương H, sinh ngày 26/5/2011. Hiện nay cháu N, cháu T đang ở cùng với mẹ chị T là bà Trần Thị C; cháu H đang ở cùng với mẹ anh Q là bà Nguyễn Thị D. Quá trình giải quyết vụ án chị T xin được nuôi cả 03 cháu, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh Q xin được nuôi cháu N và cháu H, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại đơn nghị ngày 02/12/2012 và tại phiên tòa, anh Q xác định do chị T đang đi lao động ở Đài Loan, các cháu đang ở với nhiều người, nhiều nơi nên anh xin được nuôi cả 03 cháu. Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị T, anh Q, cũng như nguyện vọng của cháu N, cháu T, cháu H xin được ở với chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng nuôi con của chị T, anh Q là chính đáng, cả anh chị đều có thu nhập ổn định, bảo đảm điều kiện về kinh tế, có đủ khả năng nuôi con, nhưng hiện nay chị T đang lao động tại Đài Loan, nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình cần giao các cháu Đào Minh N, Đào Minh T và Đào Phương H cho anh Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Q không yêu cầu chị T phải cấp

dưỡng nuôi con chung cùng anh, vì hiện anh đang làm việc tại Công ty Cổ phần Đ, Công ty Cổ phần tư vấn và Đ1 có mức thu nhập khoảng 60 triệu đồng/tháng, có đủ điều kiện để nuôi 03 cháu, nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

[4] Về tài sản, công nợ và công sức: Chị T và anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37, 469, 478, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Phạm Thị Minh T (Phạm Thị T) được ly hôn anh Đào Ngọc Q.

2. Về con chung: Giao cho anh Đào Ngọc Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đào Minh N, sinh ngày 29/10/2002; cháu Đào Minh T, sinh ngày 24/4/2006 và cháu Đào Phương H, sinh ngày 26/5/2011. Chị Phạm Thị Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đào Ngọc Q và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2017/0002259 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vĩnh Tường; chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã V, huyện V; tỉnh V
- Đương sự;
- Lưu HS-HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà